TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 74/2026/QĐST- HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 19 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 66/2026/TLST- HNGĐ ngày 09/3/2026 về Xin ly hôn, nuôi con giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh ngày 27/08/1978;

Số CCCD số: 0380780302xx cấp ngày 20/08/2021 của Cục C; địa chỉ: thôn I, xã T, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Chị Vũ Thị T1, sinh ngày 10/11/1983;

Số CCCD số: 0371830024xx cấp ngày 05/08/2022 của Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: xóm I, xã Đ, tỉnh Ninh Bình;

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Vũ Thị T1

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể cải thiện được nên thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị T1 có hai con chung là Trần Văn T2, sinh ngày 01/8/2002 và cháu Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 02/4/2009. Hiện nay cháu T2 đã trưởng thành, nên anh T và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu Trần Thị Cẩm V hiện nay đang do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng; nay ly hôn anh T và chị

T1 đều thống nhất đề nghị giao cháu V cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

"Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

Về con riêng: Không ai có con riêng.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị T1 không đề nghị Tòa giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị T1 thống nhất thỏa thuận anh T nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung ngân sách Nhà nước được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số BLTU/26E số 0001008 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh T được hoàn trả lại 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình (1).*
- *VKSND khu vực 4- Ninh Bình (3).*
- *THADS tỉnh Ninh Bình. (1).*
- *UBND xã Đ;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy